TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/6/2022
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tính và bà Phan Thị Hồng Tuyết.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Biện Tấn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* chị **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: thôn T, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: thôn L, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Trần Thành L** - sinh năm 1978; Hộ khẩu thường trú: thôn T, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và đơn đề nghị xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 22/7/2008. Quá trình hôn nhân sống hạnh phúc. Đến năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên kình cãi. Hiện nay chị và anh L không còn sống chung với nhau. Bản thân thấy không hàn gắn hạnh phúc với anh L được nữa, hôn nhân không đạt được. Yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân chị và anh L có 02 con chung tên Trần Quốc T– sinh ngày 12/01/2007 và Trần Nguyễn Hồng N – sinh ngày 14/6/2014. Cháu T đang sống cùng anh L, cháu N đang sống cùng chị. Chị có

nguyện vọng nuôi dưỡng cháu N, nhường quyền nuôi cháu T cho anh L. Chị và anh L không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Trần Thành L nhưng anh L không đến Toà án, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự và vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Cháu Trần Quốc T– sinh ngày 12/01/2007 có đơn trình bày nguyện vọng muốn sống cùng cha, cháu Trần Nguyễn Hồng N – sinh ngày 14/6/2014 có đơn trình bày nguyện vọng muốn sống cùng mẹ.

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng cơ bản tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Về hôn nhân: chị T được ly hôn với anh L. Về con chung: giao cháu Trần Quốc T– sinh ngày 12/01/2007 cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Trần Nguyễn Hồng N – sinh ngày 14/6/2014 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Không xét. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Thành L. Bị đơn có hộ khẩu tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị T và anh L xảy ra mâu thuẫn, chị T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 22/7/2008. Đây là hôn nhân hợp pháp, chị T đề nghị Tòa án cho ly hôn vì trong quá trình sống chung, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, chị và anh L không còn sống chung với nhau từ năm 2017. Hội đồng xét xử thấy giữa chị T và anh L không tìm được tiếng nói chung, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: chị T và anh L có 02 con chung tên Trần Quốc T– sinh ngày 12/01/2007 và Trần Nguyễn Hồng N – sinh ngày 14/6/2014. Cháu T đang sống cùng cha, Cháu N đang sống cùng mẹ, theo nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của đương sự, giao cháu Trần Quốc T cho anh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giao cháu Trần Nguyễn Hồng N cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

* Về con chung: Giao cháu Trần Quốc T– sinh ngày 12/01/2007 cho anh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Trần Nguyễn Hồng N – sinh ngày 14/6/2014 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không giải quyết.

* Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền số 0003691, ngày 01/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Chị T đã nộp đủ.

* Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh (1);
- VKSND h. Tuy An (2);
- THADS h. Tuy An (1);
- Đương sự (2);
- UBND xã C (1);
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

Lê Thị Xuân Hương